

Số: **58** /QĐ-HĐQT

Hà Nội, ngày **31** tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế Công bố thông tin

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam về việc ban hành quy chế công bố thông tin tại sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (VEAM) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25 tháng 6 năm 2021;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị VEAM ban hành kèm theo Quyết định số 42/QĐ-HĐQT ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Hội đồng quản trị VEAM (HĐQT);

Căn cứ Quy chế hoạt động của HĐQT ban hành kèm theo Quyết định số 43/QĐ-HĐQT ngày 25 tháng 6 năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 133/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 8 năm 2022 của HĐQT về việc thông qua một số Quy chế quản lý nội bộ VEAM và Điều lệ công ty TNHH 100% vốn góp VEAM,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Công bố thông tin.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 9 năm 2022. Quyết định số 42/QĐ-VEAM/HĐQT ngày 21 tháng 9 năm 2017 của HĐQT về việc ban hành Quy chế công bố thông tin hết hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2022.

Điều 3. Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Chánh Văn phòng HĐQT, Chánh Văn phòng, Trưởng các Ban chức năng VEAM và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. ✓

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban kiểm soát;
- Các PTGD;
- Đảng ủy CQ VEAM;
- Công đoàn VEAM;
- Website VEAM;
- Lưu: VT, VP. HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Khắc Hải



QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Kèm theo Quyết định số: 58 /QĐ-HĐQT ngày 31 tháng 8 năm 2022 của HĐQT)

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (VEAM) khi tham gia thị trường chứng khoán Việt Nam.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Công ty mẹ VEAM;
- b) Người nội bộ và người có liên quan của Người nội bộ;
- c) Các cá nhân, tổ chức có liên quan thuộc đối tượng công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Mục đích của việc công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin theo quy định của Quy chế này nhằm công khai các hoạt động của VEAM, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các cổ đông và những người có liên quan.

2. Giúp các nhà đầu tư, đối tác nắm được thực trạng hoạt động của VEAM để có cơ sở đánh giá, xem xét, thiết lập các quan hệ kinh tế, giao dịch với VEAM; đồng thời thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Trong Quy chế này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) "**VEAM**" là Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam – CTCP;
- b) "**Quy chế**" là Quy chế công bố thông tin và các sửa đổi, bổ sung (nếu có) tại từng thời điểm;
- c) "**Điều lệ VEAM**" là điều lệ của Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP và các sửa đổi, bổ sung (nếu có) tại từng thời điểm;
- d) "**Cổ đông lớn**" là cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết;
- đ) "**Người nội bộ**" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán



trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; Trưởng Ban kiểm soát, Thành viên Ban kiểm soát, Thành viên Ban kiểm toán nội bộ; Thư ký công ty, Người phụ trách quản trị, Người được ủy quyền công bố thông tin của VEAM;

e) "**Người thực hiện công bố thông tin**" là người thực hiện công bố thông tin của VEAM quy định tại Điều 6 của Quy chế này;

g) "**Người có liên quan**" là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

- VEAM và người nội bộ của VEAM;
- VEAM và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 05% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của VEAM;
- Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;
- Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;
- Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;
- Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

h) "**UBCKNN**" là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

i) "**SGDCK**" là Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội hoặc sở giao dịch chứng khoán khác quản lý hoạt động chứng khoán của VEAM;

k) "**TTLKCKVN**" là Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định và/hoặc văn bản bất kỳ sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của quy định và/hoặc văn bản đó.

3. Các từ được viết hoa nhưng chưa được định nghĩa trong Quy chế này, nếu không mâu thuẫn với ngữ cảnh hoặc chủ thể trong Quy chế này, sẽ có nghĩa tương đương như được quy định trong Điều lệ VEAM và/hoặc các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 4. Phương tiện và hình thức công bố thông tin

1. Các phương tiện công bố thông tin bao gồm:

- a) Trang thông tin điện tử (website) của VEAM: <http://www.veamcorp.com>;
- b) Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN;
- c) Trang thông tin điện tử của SGDCK;
- d) Trang thông tin điện tử của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

d) Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật (báo in, báo điện tử...).

2. Hình thức công bố thông tin

Tất cả các thông tin cung cấp phục vụ cho việc CBTT đều được thực hiện dưới dạng văn bản giấy hoặc file dữ liệu điện tử theo yêu cầu của UBCKNN và/hoặc SGDCK và/hoặc TTLKCKVN.

a) Văn bản giấy là văn bản chính có đầy đủ dấu và chữ ký hợp lệ theo quy định của pháp luật;

b) File dữ liệu điện tử:

+ File có định dạng DOC và EXCEL phải ghi đầy đủ tên và chức vụ người ký văn bản, số hiệu, ngày tháng văn bản;

+ File có định dạng PDF phải từ văn bản gốc có chữ ký và dấu màu đỏ của VEAM.

c) File điện tử bản tiếng Việt thống nhất cách đặt tên không dấu, ví dụ "Báo cáo tài chính riêng VEAM năm 2020", "Báo cáo tài chính hợp nhất VEAM năm 2020" và tên phải đồng nhất khi có các định dạng khác nhau.

Điều 5. Quy định về website của VEAM

1. VEAM phải báo cáo với UBCKNN, SGDCK và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này.

2. Trang thông tin điện tử phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư); trong đó phải công bố Điều lệ VEAM, Quy chế công bố thông tin, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Bản cáo bạch (nếu có) và Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, các thông tin công bố định kỳ, bất thường, theo yêu cầu và các hoạt động khác quy định của pháp luật.

3. Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.

CHƯƠNG II NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 6. Người thực hiện công bố thông tin

1. Người thực hiện công bố thông tin là người đại diện theo pháp luật của VEAM hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền công bố thông tin.

2. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính

xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố.

3. Người thực hiện công bố thông tin trực tiếp thực hiện công bố thông tin theo trình tự, thủ tục phù hợp với Quy chế này và quy định của pháp luật.

4. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà tất cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin. Trường hợp có hơn 01 người giữ chức vụ cao nhất, các thành viên còn lại của Ban điều hành phải thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 người chịu trách nhiệm công bố thông tin.

5. VEAM phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người thực hiện công bố thông tin cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người thực hiện công bố thông tin bao gồm: Giấy ủy quyền công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC và Bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC.

Điều 7. Quyền và trách nhiệm của người thực hiện công bố thông tin

1. Đại diện cho VEAM trong công tác công bố thông tin.
2. Yêu cầu các bộ phận có liên quan cung cấp, báo cáo số liệu đầy đủ, đúng thời hạn.
3. Đề xuất, kiến nghị với Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc (trường hợp được ủy quyền) về những hoạt động liên quan đến công bố thông tin, việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này.
4. Theo dõi những công việc có liên quan hoặc ảnh hưởng đến việc công bố thông tin của VEAM.
5. Có trách nhiệm rà soát và kiểm tra lại thông tin công bố và quy trình thực hiện trước khi chỉ đạo công bố.

CHƯƠNG III NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

MỤC 1. CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA VEAM

Điều 8. Công bố thông tin định kỳ

1. Báo cáo tài chính
 - a) Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận:
 - Thời hạn công bố: VEAM phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

- Báo cáo tài chính phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp, gồm: Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho công ty đại chúng;

- VEAM phải công bố thông tin về báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính;

b) Báo cáo tài chính bán niên được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận:

- Thời hạn công bố báo cáo tài chính bán niên: VEAM phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng tối đa không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính;

- Báo cáo tài chính bán niên phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, trình bày số liệu tài chính trong 06 tháng đầu năm tài chính của VEAM, gồm: Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất;

- Báo cáo tài chính bán niên phải được soát xét theo Chuẩn mực về công tác soát xét báo cáo tài chính. Toàn văn báo cáo tài chính bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của VEAM trong trường hợp kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần;

- Tổ chức kiểm toán thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên phải là tổ chức kiểm toán được chấp thuận đã được chọn để kiểm toán báo cáo tài chính năm của VEAM.

c) Báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có):

- Thời hạn công bố báo cáo tài chính quý: VEAM phải công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc quý. Đối với báo cáo tài chính quý được soát xét (nếu có), VEAM phải thực hiện công bố trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc quý.

Trường hợp VEAM đã thực hiện công bố Báo cáo tài chính quý đã được soát xét trong thời hạn quy định của Báo cáo tài chính quý thì không phải thực hiện công bố Báo cáo tài chính quý;

- Báo cáo tài chính quý phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, gồm: Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất;

- Toàn văn báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có) phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của VEAM trong trường hợp báo cáo tài chính quý được soát xét có kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần;

d) Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại điểm a, điểm b và điểm c

khoản 1 Điều này, VEAM phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;
- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;
- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.

d) VEAM phải giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện quy định tại điểm d khoản 1 Điều này trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Báo cáo thường niên

- VEAM phải lập báo cáo thường niên theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC và công bố báo cáo này trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính;
- Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.

3. Báo cáo tình hình quản trị

VEAM phải công bố thông tin về báo cáo tình hình quản trị công ty theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.

4. Công bố thông tin về việc họp Đại hội cổ đông thường niên

a) Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, VEAM phải công bố trên trang thông tin điện tử của VEAM và của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm: thông báo mời họp, mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Ban kiểm soát, thành viên Hội đồng quản trị, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông;

b) Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố theo thời hạn 24 giờ kể từ khi nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên có hiệu lực;

c) Trường hợp VEAM không tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất, Tổng công ty phải công bố về chương trình và thời điểm dự kiến tổ chức các cuộc họp kế tiếp, tiếp tục duy trì việc đăng tải và cho phép cổ đông tải tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản này cho tới khi tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông. Thời điểm tổ chức các cuộc họp kế tiếp thực hiện

theo quy định pháp luật về doanh nghiệp.

5. Thông tin cơ bản về doanh nghiệp và Điều lệ công ty theo quy định tại điểm a, khoản 1, điều 23 của Nghị định 47/2021/NĐ-CP.

6. Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm theo nội dung quy định tại Biểu số 3 Phụ lục II kèm theo Nghị định 47/2021/NĐ-CP; thời hạn công bố trước ngày 30 tháng 6 của năm liền sau năm thực hiện.

7. Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức 06 tháng của doanh nghiệp theo nội dung quy định tại Biểu số 5 Phụ lục II kèm theo Nghị định 47/2021/NĐ-CP; thời hạn công bố trước ngày 31 tháng 7 hàng năm.

8. Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức hằng năm của doanh nghiệp theo nội dung quy định tại Biểu số 6 Phụ lục II kèm theo Nghị định 47/2021/NĐ-CP; thời hạn công bố trước ngày 30 tháng 6 của năm liền sau năm thực hiện.

Điều 9. Công bố thông tin bất thường

1. VEAM phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a) Tài khoản của VEAM tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này;

b) Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi VEAM có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;

c) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, VEAM phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;

d) Quyết định mua lại cổ phiếu của VEAM hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;

đ) Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;

e) Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên Tổng công ty, con dấu của Tổng công ty; thay đổi địa điểm; thành

lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;

g) Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định của pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;

h) Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết;

i) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Tổng công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của Tổng công ty;

k) Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:

- Trường hợp VEAM phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;

- Trường hợp VEAM mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm Tổng công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ;

- Trường hợp VEAM mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Tổng công ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông; công ty chứng khoán mua cổ phiếu của chính mình để sửa lỗi giao dịch hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ, VEAM công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin.

l) VEAM thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (VEAM cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ VEAM). Đồng thời, VEAM gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC;

m) Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của VEAM căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính hợp nhất 06 tháng gần nhất được soát xét;

n) Khi nhận được quyết định khởi tố đối với VEAM, người nội bộ của VEAM; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của VEAM;

o) Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên

quan đến hoạt động của Tổng công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;

p) VEAM nhận được thông báo của Toà án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;

q) Trường hợp VEAM nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính VEAM, VEAM phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;

r) Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của VEAM;

s) Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài;

t) Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ;

u) Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của VEAM tại báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính hợp nhất bán niên gần nhất được soát xét;

v) Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).

2. Khi công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này, VEAM phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

3. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

a) Việc công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Quy chế này;

b) Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến nếu Điều lệ VEAM không quy định thời hạn khác dài hơn, VEAM phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.

4. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu:

a) VEAM công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) VEAM công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

5. Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố, VEAM phải công bố thông tin về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài

chính trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Quy chế này.

6. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác

Sau khi thay đổi kỳ kế toán, VEAM công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định của pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.

Điều 10. Công bố thông tin theo yêu cầu

1. Trong các trường hợp sau đây, VEAM phải công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi VEAM niêm yết, đăng ký giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

- a) Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;
- b) Có thông tin liên quan đến VEAM ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.

2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 11. Công bố thông tin về các hoạt động khác

1. Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn

VEAM thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định của pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.

2. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

VEAM phải công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của VEAM và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty, Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định của pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

3. Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu VEAM, bán cổ phiếu quỹ

Trường hợp VEAM mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, VEAM phải thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.

Trường hợp VEAM mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì VEAM phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

MỤC 2. CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

Điều 12. Công bố thông tin về giao dịch của cổ đông lớn hoặc nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết

1. Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của VEAM phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cho VEAM, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.

2. Cổ đông lớn của VEAM khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải công bố thông tin và báo cáo cho VEAM, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch) trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi trên theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC.

3. Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc trở thành cổ đông lớn hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được tính kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán.

4. Quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này cũng áp dụng đối với nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của VEAM.

5. Quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này không áp dụng đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do VEAM mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc VEAM phát hành thêm cổ phiếu.

6. VEAM phải công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của các đối tượng được quy định tại Điều này.

Điều 13. Công bố thông tin của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

1. Người nội bộ của VEAM (sau đây gọi chung là người nội bộ) và người có liên quan của các đối tượng này (sau đây gọi chung là người có liên quan) phải công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và VEAM khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá, kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:

a) Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về việc dự kiến giao dịch theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII hoặc Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư

96/2020/TT-BTC;

b) Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. Người nội bộ và người có liên quan phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do Sở giao dịch chứng khoán đã công bố thông tin và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ Sở giao dịch chứng khoán;

c) Trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu, hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải công bố thông tin theo quy định tại Điều này được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai;

d) Người nội bộ và người có liên quan không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ, quyền mua chứng chỉ quỹ hoặc chứng quyền có bảo đảm trong cùng một đợt đăng ký, giao dịch và chỉ được đăng ký, thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó; ngoại trừ trường hợp công ty quản lý quỹ, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam là người có liên quan của người nội bộ thực hiện đăng ký, giao dịch mua và bán chứng khoán cho các quỹ ETF hoặc đầu tư theo chỉ định của khách hàng ủy thác tuy nhiên phải đảm bảo từng khách hàng ủy thác không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán trong cùng một đợt đăng ký;

đ) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo mẫu quy định tại Phụ lục XV hoặc Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC;

e) Người nội bộ và người có liên quan là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 12 Quy chế này thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.

2. Người nội bộ và người có liên quan không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 12 Quy chế này thì phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 12 Quy chế này.

3. Quy định về nghĩa vụ công bố thông tin tại điểm a, điểm b và điểm d khoản 1 Điều này không áp dụng đối với trường hợp công ty chứng khoán bán giải chấp cổ phiếu của khách hàng là người nội bộ của VEAM hoặc người có liên quan của các đối tượng này.

4. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của VEAM hoặc người có liên quan của các đối tượng này, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của người nội bộ và người có liên quan theo quy định tại Điều này, VEAM phải công bố trên trang thông tin điện tử của VEAM.

CHƯƠNG IV

QUY TRÌNH XỬ LÝ, CÔNG BỐ VÀ LƯU TRỮ THÔNG TIN

Điều 14. Quy trình công bố thông tin của VEAM

Quy trình thực hiện chi tiết Phụ lục 01 kèm theo Quy chế này.

Điều 15. Chuẩn bị công bố thông tin

1. Bộ phận cung cấp thông tin công bố là Văn phòng, Văn phòng HĐQT, các Ban chức năng của VEAM, là bộ phận đầu mối hoặc trực tiếp soạn thảo văn bản có thông tin phải công bố sẽ có trách nhiệm đối chiếu với các quy định về công bố thông tin và soạn theo văn bản công bố thông tin theo mẫu (nếu có).

2. Vào thời điểm kết thúc quý, năm tài chính hoặc khi phát sinh các sự kiện phải công bố theo quy định tại Phụ lục số 02, Phụ lục số 03 và Phụ lục số 04 Quy chế này chuẩn bị các thông tin để thực hiện công bố theo quy định.

3. Bộ phận cung cấp thông tin chịu trách nhiệm về nội dung các thông tin được công bố và chuyển cấp thẩm quyền phê duyệt trước khi báo cáo Người thực hiện công bố thông tin chậm nhất là ba (03) ngày trước thời hạn mà VEAM phải công bố. Các trường hợp công bố thông tin bất thường hoặc theo yêu cầu thì cần xử lý ngay để phù hợp với quy định.

4. Thông tin của các tổ chức, cá nhân có liên quan phải được lập thành văn bản theo đúng mẫu (nếu có) và có ký xác nhận nội dung của thông tin. Tổ chức, cá nhân có liên quan phải chịu trách nhiệm về thông tin chuyển cho Bộ phận đầu mối chuẩn bị công bố thông tin.

5. Ngôn ngữ thông tin công bố là tiếng Việt. Trường hợp công bố thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung thông tin công bố bằng tiếng Anh chỉ có tính tham khảo.

Điều 16. Phê duyệt công bố thông tin

1. Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc có thẩm quyền phê duyệt toàn bộ thông tin trước khi công bố, trừ các trường hợp sau:

a) Đối với các thông tin công bố theo định kỳ quy định tại Phụ lục số 02 Quy chế này, Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc ủy quyền để Người thực hiện công bố thông tin phê duyệt công bố thông tin theo quy định;

b) Đối với các thông tin công bố dưới dạng các Công văn, Nghị quyết, Quyết định do Chủ tịch HĐQT hoặc Tổng Giám đốc ký ban hành mà nơi nhận của văn bản ghi rõ: “CBTT/Website”.

2. Thời gian phê duyệt công bố thông tin trong vòng hai (02) ngày, trước ngày VEAM phải công bố thông tin theo quy định. Các trường hợp công bố thông tin bất

thường hoặc theo yêu cầu thì cần xử lý ngay để phù hợp với quy định.

Điều 17. Công bố thông tin

1. Bộ phận đầu mỗi chuẩn bị công bố thông tin có trách nhiệm chuyển thông tin cần công bố đến Người thực hiện công bố thông tin để Người thực hiện công bố thông tin xem xét, chỉ đạo Văn phòng thực hiện công bố thông tin đến UBCKNN và/hoặc SGDCK theo quy định.

2. Đồng thời với việc công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này, Văn phòng phải thực hiện việc đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử của VEAM và/hoặc cổng thông tin doanh nghiệp tùy thuộc vào từng loại thông tin công bố theo các Phụ lục số 02, Phụ lục số 03 và Phụ lục số 04 của Quy chế này.

3. Văn phòng chịu trách nhiệm về việc các công bố thông tin phải được gửi đến UBCKNN, SGDCK, trang thông tin điện tử của VEAM và phương tiện thông tin đại chúng theo yêu cầu của Người công bố thông tin.

Điều 18. Lưu trữ thông tin báo cáo, công bố

1. Các tổ chức, cá nhân có liên quan khi cung cấp thông tin phải lập hồ sơ lưu tại VEAM.

2. Văn phòng phải lập hồ sơ cho từng thông tin được công bố kèm theo bản sao văn bản công bố thông tin đó để lưu trữ tại VEAM theo quy định sau:

a) Các thông tin công bố định kỳ phải được lưu giữ dưới dạng văn bản và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của VEAM tối thiểu là 05 năm;

b) Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của VEAM tối thiểu là 05 năm.

Điều 19. Tạm hoãn công bố thông tin

1. VEAM được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như: Thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác VEAM phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện (trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin), đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.

2. Việc tạm hoãn công bố thông tin được UBCKNN chấp thuận bằng văn bản phải được công bố trên trang thông tin điện tử của VEAM và UBCKNN, SGDCK, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin.

3. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, VEAM có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Cải chính thông tin

1. VEAM có trách nhiệm cải chính thông tin do Người thực hiện công bố thông tin đã công bố hoặc yêu cầu bất kỳ tổ chức, cá nhân nào phát ngôn, đăng tải, sử

dụng thông tin không đúng hoặc sai lệch về VEAM cải chính thông tin.

2. Việc cải chính thông tin của VEAM được thực hiện theo quy trình tại Điều 14 của Quy chế này.

3. Người công bố thông tin của VEAM là người có quyền yêu cầu các đối tượng khác cải chính thông tin về VEAM.

CHƯƠNG V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Thời điểm bắt đầu thực hiện và chấm dứt việc công bố thông tin

1. VEAM thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của VEAM theo Quy chế này kể từ thời điểm là công ty đại chúng quy mô lớn và đăng ký giao dịch trên sàn Upcom.

2. Trong thời hạn 01 năm kể từ ngày VEAM không còn là công ty đại chúng quy mô lớn, VEAM tiếp tục thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như công ty đại chúng quy mô lớn theo quy định tại Quy chế này.

Điều 22. Xử lý vi phạm về công bố thông tin

Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định của pháp luật và của VEAM về công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày **01 tháng 9 năm 2022** và thay thế Quy chế công bố thông tin đã ban hành theo Quyết định số 10/QĐ-VEAM/HĐQT ngày 28 tháng 02 năm 2017 của HĐQT VEAM.

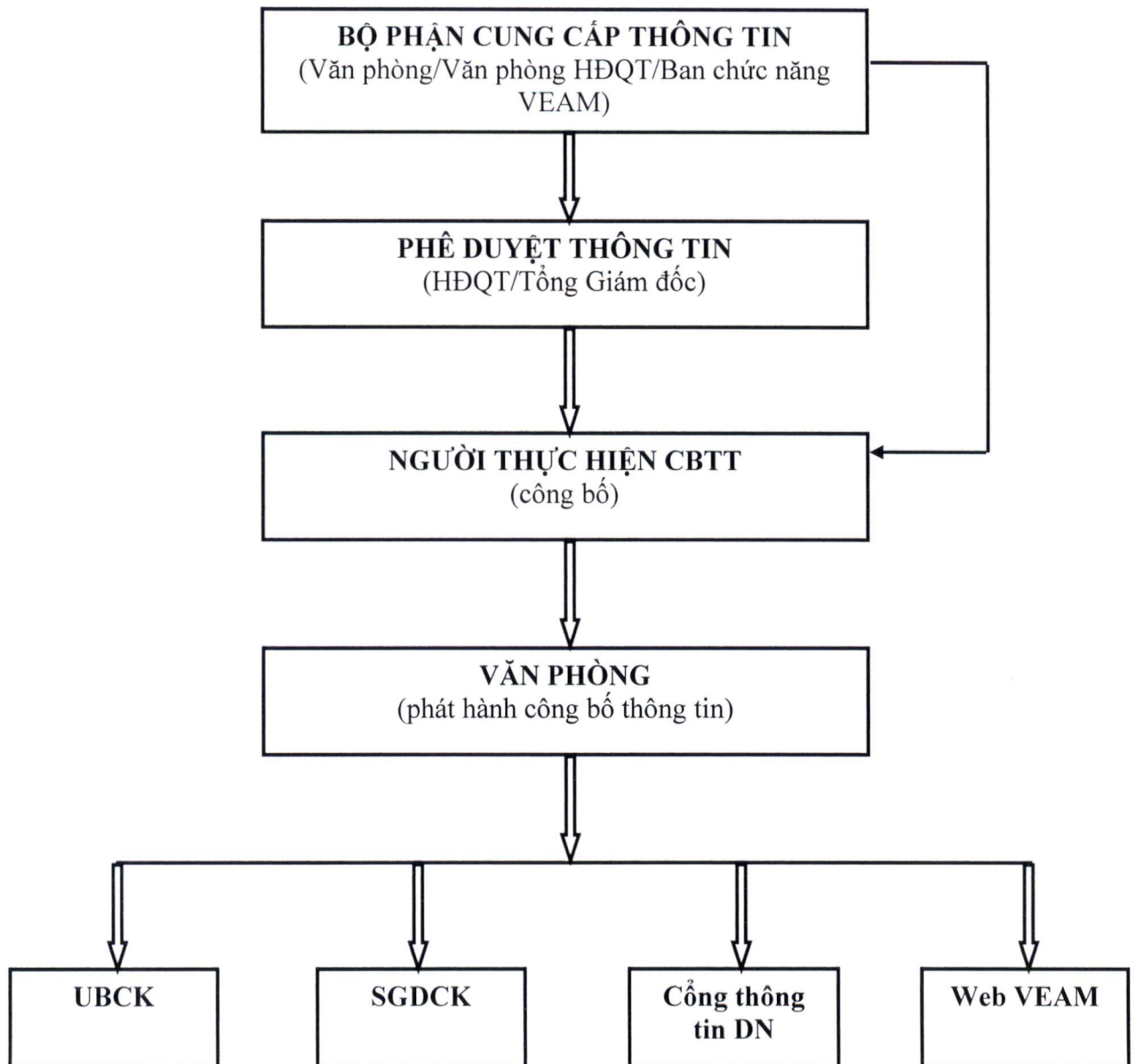
2. Các đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh và áp dụng Quy chế này có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

Điều 24. Sửa đổi, bổ sung

1. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung, các đơn vị phản ánh về Văn phòng HĐQT để tổng hợp, báo cáo Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động công bố thông tin của VEAM hoặc quy định tại Điều lệ VEAM chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh.

PHỤ LỤC SỐ 01
QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN



PHỤ LỤC SỐ 02
DANH MỤC CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

TT	Thông tin công bố	Bộ phận cung cấp thông tin		Thẩm quyền phê duyệt	Thời hạn công bố	Phương tiện công bố	Mẫu báo cáo
		Chủ trì	Phối hợp				
1	Báo cáo thường niên	KTKH	Các phòng/ban VEAM	HĐQT	20 ngày sau ngày công bố BCTC năm được kiểm toán, và không vượt quá 110 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính	UBCKNN, SGDCK, website	Phụ lục IV Thông tư 96/2020/TT-BTC
2	Báo cáo tình hình quản trị công ty (6 tháng, năm)	VP HĐQT	TCNS, TCKT	HĐQT	Chậm nhất 30/1 và 30/7	UBCKNN, SGDCK, website	Phụ lục V Thông tư 96/2020/TT-BTC
3	Báo cáo danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn	VP HĐQT		HĐQT	Chậm nhất 30/1 và 30/7	SGDCK	- Mẫu 01_CBT/SGDHN ban hành theo QĐ số 606/QĐ-SGDHN ngày 29/9/2016 của SGDCK Hà Nội
4	BCTC quý: - Công ty mẹ ; - Hợp nhất.	TCKT		TGD	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý	UBCKNN, SGDCK, website	Thông tư 200/2014/TT-BTC
5	BCTC bán niên đã được soát xét : - Công ty mẹ ; - Hợp nhất.	TCKT		HĐQT	Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính;	UBCKNN, SGDCK, website	Thông tư 200/2014/TT-BTC
6	BCTC năm đã được kiểm toán :	TCKT		HĐQT	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm	UBCKNN, SGDCK, website	Thông tư 200/2014/TT-BTC

TT	Thông tin công bố	Bộ phận cung cấp thông tin		Thẩm quyền phê duyệt	Thời hạn công bố	Phương tiện công bố	Mẫu báo cáo
		Chủ trì	Phối hợp				
	- Công ty mẹ ; - Hợp nhất,				toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính		
7	Thông báo họp Đại hội cổ đông thường niên (Kèm theo các hồ sơ theo quy định)	VP HĐQT	NPTQT	HĐQT	Tối thiểu 21 ngày trước ngày họp	Gửi thư, đăng báo UBCKNN, SGDCK, website	
8	Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên	VP HĐQT	Người PTQT	HĐQT	24 giờ kể từ thời điểm ban hành.	UBCKNN, SGDCK, website	
9	Thông tin cơ bản của DN và Điều lệ công ty	PC	VP HĐQT	HĐQT		Cổng thông tin doanh nghiệp, Website, gửi Bộ Công Thương	
10	Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm	KTKH	TCKT, ĐTP, TCNS	HĐQT	trước ngày 30 tháng 6 của năm liền sau năm thực hiện	Cổng thông tin doanh nghiệp, Website, gửi Bộ Công Thương	Biểu 3 Phụ lục II Nghị định 47/2021/NĐ-CP
11	Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức 06 tháng của doanh nghiệp	VP HĐQT	KTKH, TCNS	HĐQT	trước ngày 31 tháng 7 hằng năm	Cổng thông tin doanh nghiệp, Website, gửi Bộ Công Thương	Biểu 5 Phụ lục II Nghị định 47/2021/NĐ-CP
12	Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức hằng năm của doanh nghiệp	VP HĐQT	KTKH, TCNS	HĐQT	trước ngày 30 tháng 6 của năm liền sau năm thực hiện	Cổng thông tin doanh nghiệp, Website, gửi Bộ Công Thương	Biểu 6 Phụ lục II Nghị định 47/2021/NĐ-CP

PHỤ LỤC SỐ 03
DANH MỤC THÔNG TIN CÔNG BỐ TRONG 24 GIỜ

TT	Thông tin công bố	Bộ phận cung cấp thông tin		Thẩm quyền phê duyệt	Phương tiện công bố	Mẫu báo cáo
		Chủ trì	Phối hợp			
1	Tài khoản bị phong tỏa hoặc hoạt động trở lại sau phong tỏa	TCKT		TGD	UBCKNN, SGDCK, website	
2	Quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung ĐKDN; thu hồi Giấy chứng nhận ĐKDN; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép hoạt động	PC	KTKH	HĐQT	UBCKNN, SGDCK, website	
3	Quyết định của ĐHĐCĐ bao gồm nghị quyết, Biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản)	VP HĐQT	NPTQT	HĐQT	UBCKNN, SGDCK, website	
4	Quyết định mua lại cổ phiếu VEAM hoặc bán cổ phiếu quỹ; Quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán.	TCKT	VP HĐQT	HĐQT	UBCKNN, SGDCK, website	
5	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;	TCKT		HĐQT	UBCKNN, SGDCK, website	
6	Quyết định của HĐQT về một số vấn đề có liên quan: chia tách, hợp nhất, sáp nhập, thay đổi tên công ty con; bổ sung điều lệ; thay đổi địa điểm kinh doanh v.v..	TCKT, TCNS, KTKH, VP	VP HĐQT	HĐQT	UBCKNN, SGDCK, website	
7	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng; thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký	TCKT		TGD	UBCKNN, SGDCK, website	
8	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một	TCKT		HĐQT	UBCKNN, SGDCK,	

TT	Thông tin công bố	Bộ phận cung cấp thông tin		Thẩm quyền phê duyệt	Phương tiện công bố	Mẫu báo cáo
		Chủ trì	Phối hợp			
	công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết				website	
9	Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa VEAM với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của VEAM	KD&PTTT	VP HĐQT	HĐQT	UBCKNN, SGDCK, website	
10	Khi có sự thay đổi về số cổ phiếu có quyền biểu quyết	VP HĐQT		HĐQT	UBCKNN, SGDCK, website	
11	Thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ: - Người nội bộ thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT - Người nội bộ thuộc thẩm quyền quyết định của TGD	VP HĐQT, TCNS		HĐQT	UBCKNN, SGDCK, website	- Phụ lục III Thông tư 96/2020/TT-BTC - Mẫu 02_CBTT/SGDH N ban hành theo QĐ số 606/QĐ-SGDHN ngày 29/9/2016 của SGDCK Hà Nội
12	Thay đổi người thực hiện công bố thông tin	TCNS		HĐQT	UBCKNN, SGDCK, website	Phụ lục I và III Thông tư 96/2020/TT-BTC
13	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính hợp nhất 06 tháng gần nhất được soát xét.	TCKT, VP, ĐTP, KD&PTTT		HĐQT	UBCKNN, SGDCK, website	

TT	Thông tin công bố	Bộ phận cung cấp thông tin		Thẩm quyền phê duyệt	Phương tiện công bố	Mẫu báo cáo
		Chủ trì	Phối hợp			
14	Quyết định khởi tố đối với VEAM, người nội bộ của VEAM; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của VEAM	TCNS		HĐQT	UBCKNN, SGDCK, website	
15	Bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Toà án liên quan đến hoạt động của VEAM; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế.	PC		TGD	UBCKNN, SGDCK, website	
16	Thông báo của Toà án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản	PC			UBCKNN, SGDCK, website	
17	Trường hợp VEAM nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính VEAM, VEAM phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó.	TCKT	VP HĐQT		UBCKNN, SGDCK, website	
18	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của VEAM.	KTKH	VP HĐQT	HĐQT	UBCKNN, SGDCK, website	
19	Các thông tin công bố theo yêu cầu phải công bố trong 24 giờ gồm:					
	- Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;	PC		HĐQT	UBCKNN, SGDCK, website	
	- Có thông tin liên quan đến VEAM ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.	TCKT	VP HĐQT	HĐQT	UBCKNN, SGDCK, website	

PHỤ LỤC SỐ 04
DANH MỤC THÔNG TIN CÔNG BỐ VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC VÀ ĐỐI TƯỢNG KHÁC

TT	Thông tin công bố	Bộ phận cung cấp thông tin		Thẩm quyền phê duyệt	Thời hạn công bố	Phương tiện công bố	Mẫu báo cáo
		Chủ trì	Phối hợp				
1	Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn.	TCKT		TGD		UBCKNN, SGDCK, website	
2	Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	PC		HDQT		UBCKNN, SGDCK, website	
3	Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu VEAM, bán cổ phiếu quỹ	TCKT		HDQT	Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu	UBCKNN, SGDCK, website	
4	Công bố thông tin về giao dịch của cổ đông lớn hoặc nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết	VP HDQT		HDQT		UBCKNN, SGDCK, website	
	- Tổ chức, cá nhân hoặc Cổ đông lớn của VEAM hoặc nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của VEAM khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của VEAM				Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu	UBCKNN, SGDCK, website	Phụ lục VII Thông tư 96/2020/TT-BTC
	- Cổ đông lớn của VEAM/ nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của VEAM khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết.					UBCKNN, SGDCK, website	Phụ lục VIII Thông tư 96/2020/TT-BTC
5	Công bố thông tin của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ	TCNS	VP HDQT	HDQT	Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của người nội bộ và người có liên quan	UBCKNN, SGDCK, website	Phụ lục XIII, XIV, XV, XVI Thông tư 96/2020/TT-BTC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT TRONG CÁC PHỤ LỤC

- HĐQT: Hội đồng quản trị
 - TGD: Tổng Giám đốc
 - NPTQT: Người Phụ trách quản trị
 - KTKH: Ban Kinh tế – Kế hoạch
 - PC: Ban Pháp chế
 - KD&PTTT: Ban Kinh doanh và Phát triển thị trường
 - ĐTPT: Ban Đầu tư phát triển
 - VP HĐQT: Văn phòng Hội đồng quản trị
 - TCKT: Ban Tài chính - Kế toán
 - TCNS: Ban Tổ chức Nhân sự
 - VP: Văn phòng
 - Website: trang thông tin điện tử của VEAM
-

